|  |  |
| --- | --- |
| SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH TỈNH T.T. HUẾ |  **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  **THANH TRA SỞ**  |  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  Số: /KL-TTr  |  *Thừa Thiên* *Huế, ngày 22 tháng 5 năm 2017* |

**KẾT LUẬN THANH TRA**

**Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của**

**Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công.**

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Sau khi xem xét Báo cáo kết quả của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 22/QĐ-TTr ngày 09/12/2017 của Chánh Thanh tra Sở Lao động - TB&XH tỉnh Thừa Thiên Huế Về việc thanh tra thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công (viết tắt Trung tâm), Sở Lao động - TB&XH (viết tắt Sở), thời kỳ thanh tra: Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2016; Biên bản thanh tra, các hồ sơ, tài liệu liên quan, đối chiếu quy định của pháp luật.

Chánh Thanh tra Sở Lao động - TB&XH kết luận:

**I. Đặc điểm, tình hình liên quan đến nội dung thanh tra**

**1. Quá trình hình thành và phát triển Trung tâm**

Năm 1982, Nhà Dưỡng lão tỉnh Bình Trị Thiên được thành lập, sau khi phân lại địa giới, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành các Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 22/01/1997, Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 26/02/2002, Quyết định số 2385/QĐ-UBND Ngày 20/10/2008 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đổi tên thành Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công. Sở Lao động - TB&XH ban hành Quyết định số 188/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/8/2013 V/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công.

**2. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm**

Tiếp nhận, quản lý nuôi dưỡng người có công (viết tắt NCC) cô đơn không nơi nương tựa trên địa bàn tỉnh (hiện nay, Trung tâm đang nuôi dưỡng 23 NCC); tổ chức điều dưỡng sức khỏe luân phiên NCC trong tỉnh theo chế độ nhà nước quy định; tổ chức đón tiếp thân nhân gia đình liệt sĩ đến thăm viếng, di chuyển mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**II. Kết quả thanh tra**

**1. Cơ sở vật chất**

05 khu nhà 2 tầng gồm: 1 khu nhà 8 phòng nuôi dưỡng NCC thường xuyên; 3 khu nhà 41 phòng (90 giường) phục vụ điều dưỡng; 1 phòng hội trường (100 người), 1 phòng thờ và tổ chức tang lễ; 1 khu nhà ăn, bếp; 1 phòng vật lý trị liệu; 1 phòng đọc sách, báo và 1 sân cầu lông ngoài trời. Các phòng nuôi dưỡng, điều dưỡng đầy đủ tiện nghi phục vụ sinh hoạt.

Số lượng giường đủ điều kiện tiếp nhận đối tượng đến điều dưỡng luân phiên hiện nay là 90 giường/đợt.

Phương tiện vận chuyển: 01 xe ô tô 15 chỗ, 01 xe ô tô cấp cứu.

Thiết bị y tế phục hồi chức năng: 03 máy tập đa chức năng, 03 ghế massager, 04 xe đạp lồng và một số trang thiết bị khác.

**2. Tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, lao động**

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (viết tắt CB,CC,VC,LĐ) tại Trung tâm thời điểm thanh tra: 29 người *(có Danh sách kèm theo),* trong đó:

+ 01 công chức (Giám đốc);

+ 07 viên chức;

+ 12 lao động hợp đồng làm việc (theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ);

+ 08 Hợp đồng lao động (viết tắt HĐLĐ) ngoài biên chế gồm: 1 HĐLĐ không xác định thời hạn, 7 HĐLĐ xác định thời hạn 4 năm;

+ 02 lao động hợp đồng (thỏa thuận miệng) trả công ngày.

- Cơ cấu tổ chức: Theo Quyết định số 188/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/8/2013 của Sở Lao động - TB&XH V/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung tâm: Lãnh đạo gồm Giám đốc, không quá 02 Phó giám đốc và 3 phòng chuyên môn: Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Phòng Y tế - Phục hồi chức năng, Phòng Dinh dưỡng - Chăm sóc - Phục vụ.

Tại Quyết định số 04/QĐ-ĐDCSNCC ngày 06/3/2014 ban hành Quy chế làm việc và Quyết định số 05/QĐ-ĐDCSNCC ngày 17/3/2014 của Trung tâm đều quy định cơ cấu tổ chức của Trung tâm gồm 2 phòng chuyên môn gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Phòng Y tế - Phục hồi chức năng. Hiện Trung tâm có ban giám đốc (Giám đốc, 1 Phó giám đốc) và 2 phòng chuyên môn:

+ Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp: 1 Phó trưởng phòng và 17 nhân viên;

+ Phòng Y tế - Phục hồi chức năng: 1 Phó trưởng phòng và 8 nhân viên.

Ngoài ra có 02 người lao động hợp đồng (thỏa thuận miệng).

**3. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ**

3.1. Tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng NCC

Trung tâm nhận hồ sơ của NCC do UBND cấp huyện chuyển đến gồm: Đơn xin được tiếp nhận vào Trung tâm, có xác nhận tình trạng đơn thân không nơi nương tựa của chính quyền địa phương; Tờ trình của UBND cấp xã nơi cư trú; Bản photo sổ hộ khẩu, CMND; Bản phô tô sổ lĩnh tiền trợ cấp hàng tháng hoặc Huân, Huy chương, giấy chứng nhận thương binh, hoặc các giấy tờ liên quan có xác nhận là NCC; Sơ yếu lý lịch (có trường hợp không có); Giấy khám sức khỏe (có trường hợp không có); Công văn đề nghị tiếp nhận vào nuôi dưỡng của UBND hoặc Phòng Lao động - TB&XH huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Phòng huyện) gửi Sở và Trung tâm (có xác nhận là NCC). Sau khi thẩm tra, Trung tâm gửi công văn kèm hồ sơ đề nghị Sở xem xét ban hành quyết định tiếp nhận vào Trung tâm.

Trung tâm tiếp nhận NCC theo quyết định của Sở. Sau khi nhận quyết định Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp phối hợp với các phòng chuyên môn tiếp nhận NCC, khám phân loại sức khỏe, bố trí phòng ở. Số NCC đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm: 23 người. Từ năm 2015 đến nay, Trung tâm tiếp nhận mới 03 người và giảm 04 người (03 người từ trần, 01 người xin về quê), cụ thể:

*- Tiếp nhận vào ở tại Trung tâm*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Thời gian vào****Trung tâm** | **Trú quán trước khi vào Trung tâm** |
| 1 |  Nguyễn Thị Trang Tú | 1940 | 01/3/2015 | Phú Lộc |
| 2 |  Nguyễn Thị Kính | 1925 | 10/3/2016 | Quảng Điền |
| 3 |  Dương Thị Thẩm | 1938 | 01/6/2016 | Phú Vang |

*- Không còn ở tại Trung tâm*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Quê quán** | **Ngày ra khỏi Trung tâm** | **Lý do** |
| 1 | Lương Thị Định | 1942 | Nghĩa Đàn, Nghệ An | 01/01/2016 | Về quê ở với cháu |
| 2 | Trần Thị Ngói | 1927 | Hương Thủy | 05/7/2015 | từ trần |
| 3 | Hoàng Thị Mỹ Hạnh | 1948 | Phong Điền | 04/7/2015 | từ trần |
| 4 | Phạm Viết Cường | 1930 | Phú Lộc | 26/10/2016 | từ trần |

3.2. Tổ chức điều dưỡng luận phiên NCC theo chế độ

Vào đầu năm, Sở có công văn thông báo chỉ tiêu điều dưỡng gửi Trung tâm, trên cơ sở đó Trung tâm xây dựng kế hoạch chuẩn bị điều dưỡng. Trung tâm có công văn thông báo kế hoạch điều dưỡng về thời gian, số lượng NCC cho từng đợt gửi các Phòng huyện. Các Phòng huyện căn cứ kế hoạch lập danh sác, làm giấy mời gửi các đối tượng đến Trung tâm điều dưỡng. Phòng huyện có xe đón, đưa NCC đến Trung tâm và ngược lại. Trung tâm và Phòng huyện có ký danh sách giao, trả NCC tại các đợt điều dưỡng.

 Năm 2015, Trung tâm đã tổ chức 30 đoàn điều dưỡng, tổng số 2.302 người ; năm 2016, đã tổ chức 26 đoàn điều dưỡng tổng số 1.507 người. Việc điều dưỡng được thực hiện tại Trung tâm, thời gian điều dưỡng cho 1 đợt gồm 6 ngày.

3.3. Sử dụng kinh phí điều dưỡng luân phiên và nuôi dưỡng người có công

3.3.1. Sử dụng kinh phí tổ chức điều dưỡng luân phiên

Từng đợt điều dưỡng, Trung tâm rút kinh phí tại Kho bạc tỉnh (Nguồn kinh phí Trung ương ủy quyền), hợp đồng nhân viên phục vụ; mua sắm đồ dùng cá nhân, thuốc bổ, thuốc chữa bệnh; chỉnh trang khuôn viên, phòng nghỉ để tiếp đón NCC đến điều dưỡng.

Kinh phí tổ chức điều dưỡng luân phiên thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 13/2014/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 03/6/2014 của Bộ Lao động - TBXH - Bộ Tài chính - Bộ Y tế; Thông báo số 131/TB-LĐTBXH ngày 23/01/2015 của Sở V/v phê duyệt phương án điều dưỡng NCC tại Trung tâm. Thanh toán kinh phí điều dưỡng theo từng đợt.

Trung tâm thực hiện phương án điều dưỡng theo Thông báo 131/TB-LĐTBXH ngày 23/01/2015 của Sở, thời gian một đợt điều dưỡng 06 ngày (không kể thời gian đi và về), tổng kinh phí: 2.220.000 đồng/người/đợt. Định mức điều dưỡng gồm: tiền ăn 1.500.000 đồng/người/đợt, trong đó (ăn sáng: 25.000 đồng x 06 ngày = 150.000 đồng; ăn trưa và chiều: 225.000 đồng x 06 ngày = 1.350.000 đồng); thuốc bổ và chữa bệnh: 200.000 đồng/người/đợt; tiền quà 200.000 đồng/người/đợt; chi khác 320.000 đồng/người/đợt.

Trong quá trình điều dưỡng, Trung tâm tổ chức cho NCC đi tham quan 02 ngày ở các địa điểm tham quan du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc ngoại tỉnh. Các khoản chi phí về điện nước phục vụ chung cho công tác điều dưỡng tập trung được bố trí dự toán theo số lượng đối tượng điều dưỡng thực tế định mức 220.000 đồng/người.

Năm 2015, tổ chức 31 đoàn điều dưỡng, tổng số 2.302 người, số tiền là 5.490.527.000 đồng, trong đó: Kinh phí điều dưỡng 5.110.440.000 đồng, Kinh phí hỗ trợ điện, nước, báo chí văn nghệ 380.087.500 đồng; năm 2016 tổ chức 26 đoàn, 1.507 người, tổng số tiền là 3.574.673.500 đồng, trong đó: Kinh phí điều dưỡng 3.345.540.000 đồng, kinh phí hỗ trợ điện, nước, báo chí văn nghệ 229.133.500 đồng. *(cụ thể theo bảng dưới đây và tại phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo).*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** **đi điều dưỡng** | **Năm 2015** | **Năm 2016** |
| **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **Số tiền** | **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **Số tiền** |
| 1 |  Thành phố Huế | 120 | 107 |  237.540.000  | 51 | 140 | 113.220.000  |
| 2 |  Thị xã Hương Trà | 270 | 267 |  592.740.000  | 82 | 100 | 182.040.000  |
| 3 |  Thị xã Hương Thủy | 160 | 161 |  357.420.000  | 183 | 200 | 406.260.000  |
| 4 |  Huyện Phong Điền | 500 | 458 | 1.016.760.000  | 326 | 458 | 723.720.000  |
| 5 |  Huyện Quảng Điền | 279 | 239 |  530.580.000  | 95 | 160 | 210.900.000  |
| 6 |  Huyện Phú Vang | 426 | 427 | 947.940.000 | 264 | 330 | 586.080.000 |
| 7 |  Huyện Phú Lộc | 400 | 401 | 890.220.000 | 275 | 330 | 610.500.000 |
| 8 |  Huyện Nam Đông | 85 | 83 | 184.260.000 | 40 | 100 |  88.800.000 |
| 9 |  Huyện A Lưới | 160 | 159 | 352.980.000 | 191 | 243 | 424.020.000 |
|  **Tổng cộng** |  **2.400** |  **2.302** |  **5.110.440.000** |  **1.507** |  **2.061** | **3.345.540.000** |

3.3.2. Sử dụng kinh phí thực hiện nuôi dưỡng NCC

Kinh phí thực hiện nuôi dưỡng tại Trung tâm bao gồm tiền ăn, trang cấp và chi phí khác. Năm 2015 Trung tâm thực hiện chế độ tiền ăn nuôi dưỡng NCC là 525.000 đồng/người/tháng theo Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 21/5/2013 của UBND tỉnh; Năm 2016 thực hiện theo Quyết định số 79/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 V/v quy định trợ cấp tiền ăn cho đối tượng bảo trợ xã hội tại các đơn vị trực thuộc Sở với mức tiền ăn là 1.080.000 đồng (mức hỗ trợ của nhà nước). Chế độ trang cấp và chi phí khác thực hiện theo kinh phí địa phương.

Năm 2015 kinh phí thực hiện nuôi dưỡng tại Trung tâm là 141.987.000 đồng, trong đó tiền ăn 129.774.500 đồng, trang cấp và chi phí khác 12.212.500 đồng.

Năm 2016 kinh phí thực hiện nuôi dưỡng là 225.255.000 đồng, trong đó tiền ăn 213.636.000 đồng, trang cấp và chi phí khác 11.619.000 đồng.

 *(cụ thể có phụ lục 3 và phụ lục 4 kèm theo).*

**4. Tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo**

Theo báo cáo và kiểm tra sổ công văn đi, sổ công văn đến của Trung tâm, từ năm 2015 đến nay không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

**5. Thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

5.1.Trung tâm không có văn bản phân công trách nhiệm về công tác phòng, chống tham nhũng.

5.2.Trung tâm có xây dựng Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015 và 2016.

5.3.Trung tâm có tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật về phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cuộc họp.

5.4.Kê khai, xác minh, công khai kết quả xác minh tài sản thu nhậphàng năm, Trung tâm thông báo những người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập kê khai đúng thời gian quy định:

- Năm 2015:

+ Người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập là 05 người, số bản kê khai tài sản thu nhập gửi về Sở 5 bản. Thời gian tiến hành kê khai và nộp bản kê khai theo yêu cầu của Sở. Có sổ biên nhận nộp bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

+ Trung tâm chọn hình thức công khai tài sản thu nhập là tổ chức công khai tại cuộc họp ngày 27/11/2015, có Báo cáo số 02/ĐDCSNCC ngày 11/3/2016 về kết quả minh bạch, tài sản thu nhập năm 2015.

- Năm 2016:

+ Người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập là 05 người, số bản kê khai tài sản thu nhập gửi về Sở 5 bản. Thời gian tiến hành kê khai và nộp bản kê khai theo yêu cầu của Sở. Có sổ biên nhận nộp bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

+ Trung tâm chọn hình thức công khai tài sản thu nhập là tổ chức công khai tại cuộc họp ngày 14/12/2016, có Báo cáo số 26/ĐDCSNCC ngày 17/4/2016 về kết quả minh bạch, tài sản thu nhập năm 2016.

5.5. Giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Trung tâm phổ biến tại cuộc họp.

**6. Công tác Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp**

6.1. Xây dựng các quy chế, định mức, tiêu chuẩn

Trung tâm xây dựng Quy chế số chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công, Sở phê duyệt theo Công văn số 535e/LĐTBXH-KHTC ngày 29/4/2011 V/v thẩm định Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công.

6.2. Giao kết hợp đồng làm việc với viên chức, HĐLĐ đối với người lao động thuộc diện HĐLĐ

- Biên chế được giao:

+ Năm 2015 là 22 biên chế (10 viên chức, 12 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP);

+ Năm 2016 là 28 biên chế (13 viên chức, 15 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP). Biên chế hiện nay đang sử dụng: 07 viên chức, 12 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

**-** Tuyển dụng viên chức: Năm 2015, 2016 không tuyển dụng.

**-** Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP:Năm 2015, 2016 không có.

- HĐLĐ ngoài biên chế:

+ Năm 2015: Không giao kết HĐLĐ.

+ Năm 2016: Giao kết HĐLĐ xác định thời hạn 4 năm đối với 07 lao động:

Ông Nguyễn Hồ Bảo Ân, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/9/2016 - 01/9/2020, chức danh nhân viên hành chính, áp dụng ngạch lương 01.004, bậc 1, hệ số 1,86.

Ông Ngô Thanh Được, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/9/2016 - 01/9/2020, chức danh nhân viên bảo vệ, áp dụng ngạch lương 01.011, bậc 1, hệ số 1,50.

Bà Lý Thị Như Quỳnh, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/6/2016 - 01/6/2020, chức danh nhân viên hành chính, áp dụng ngạch lương 01.004, bậc 1, hệ số 1,86.

Bà Trương Thị Hồng Hoa, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2017 - 01/01/2021, chức danh Y sĩ, áp dụng ngạch lương 16.119, nhiệm vụ phải làm: Chăm sóc sức khỏe, y tế, phục hồi chức năng các đối tượng nuôi dưỡng, điều dưỡng, bậc 1, hệ số 1,86.

Bà Võ Thị Thanh Hương, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2017 - 01/01/2021, chức danh điều dưỡng hạng IV, áp dụng ngạch lương V.08.05.13, bậc 2, hệ số 2,06, nhiệm vụ phải làm: theo nhiệm vụ quy định tại Điểm 1 Điều 6 Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015.

Bà Lê Thị Phương Thảo, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2017 - 01/01/2021, chức danh cán sự, áp dụng ngạch lương cán sự 01.004, bậc 1, hệ số 1,86, nhiệm vụ phải làm: Không ghi cụ thể, ghi thực hiện theo sự phân công của lãnh đạo.

Bà Lê Thị Nhật Trâm, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/01/2017 - 01/01/2021, chức danh Y sĩ, áp dụng ngạch lương 16.119, bậc 1, hệ số 1,86, nhiệm vụ phải làm: chăm sóc sức khỏe, y tế, phục hồi chức năng các đối tượng nuôi dưỡng, điều dưỡng.

6.3. Thực hiện các chế độ đối với CB,CC,VC,LĐ

- Tiền lương đối với CB,CC,VC,LĐ: Thực hiện theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và các văn bản liên quan. Nâng bậc lương đúng thời hạn cho những người hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, nâng bậc lương đúng thời hạn đối với viên chức sau khi có ý kiến của Sở. Đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ.

- Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết thực hiện theo quy định của pháp luật lao động. Chế độ nghỉ phép hàng năm, Trung tâm áp dụng 12 ngày/năm/người, đủ 5 năm làm việc tính thêm 1 ngày đối với tất cả CB,CC,VC,LĐ.

- Các chế độ phụ cấp:

+ Phụ cấp chức vụ: Giám đốc 0,6; Phó Giám đốc 0,4; Phó Trưởng phòng 0,2.

+ Các chế độ phụ cấp khác: Áp dụng mức phụ cấp 0,2 cho toàn thể CB,CC,VC,LĐ (trừ người có phụ cấp chức vụ); phụ cấp độc hại, nguy hiểm 0,1 cho cán bộ gián tiếp và 0,2 cho cán bộ trực tiếp phục vụ chăm sóc đối tượng; phụ cấp ưu đãi theo nghề 30% cho cán bộ gián tiếp và 60% cho cán bộ trực tiếp phục vụ chăm sóc đối tượng *(có Danh sách CB,CC,VC,LĐ hưởng các loại phụ cấp kèm theo).*

+ Phụ cấp công tác phí theo khoán chi mức 250.000đ/người/tháng: 11 người gồm: lãnh đạo, kế toán, thủ quỹ, lái xe, điện nước, tiếp phẩm, nuôi dưỡng, điều dưỡng kiêm mua dụng cụ y tế *(cụ thể có danh sách CB,CC,VC,LĐ hưởng phụ cấp khoán công tác phí kèm theo);*

+ Phụ cấp điện thoại: Giám đốc 100.000đ/tháng, Phó Giám đốc: 80.000đ/tháng.

- Thực hiện tiết kiệm kinh phí tự chủ được giao, tạo thu nhập tăng thêm cho viên chức, người lao động làm việc tại Trung tâm:

+ Năm 2015: thu nhập tăng thêm người cao nhất: 1.800.000đ/tháng, người thấp nhất 1.500.000đ/tháng, bình quân 1.633.000đ/tháng. Tổng tiết kiệm: 660.869.000đ.

+ Năm 2016: thu nhập tăng thêm cao nhất: 1.725.000đ/tháng, thấp nhất 1.150.000đ/tháng, bình quân 1.437.500đ/tháng. Tổng tiết kiệm: 419.250.000đ.

- Các chế độ thăm hỏi CB,CC,VC,LĐ khi ốm đau, tang chế... thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

6.4. Lập kế hoạch công tác, tổng hợp, báo cáo

- Năm 2015 và 2016, căn cứ các Thông báo số 174/LĐTBXH-CSCC ngày 02/02/2015 và Thông báo số 185/LĐTBXH-CSNCC ngày 19/2/2016 của Sở V/v thông báo chỉ tiêu điều dưỡng, chăm sóc người có công năm 2015, Trung tâm có thông báo lịch điều dưỡng tập trung năm 2015, năm 2016 gửi về các địa phương.

- Việc tổng hợp, báo cáo thực hiện đầy đủ.

6.5. Công tác tiếp nhận, quản lý văn bản, tài liệu, hồ sơ

- Năm 2015, 2016: Bố trí 01 viên chức kiêm nhiệm quản lý, theo dõi ghi chép sổ văn bản đi và văn bản đến, chưa có văn thư chuyên trách. Cuối năm 2016 đến nay cử bà Lý Thị Như Quỳnh (lao động hợp đồng) chuyên trách văn thư.

- Sổ quản lý văn bản đi, đến năm 2015, 2016 ghi ngày tháng, số, ký hiệu, tên loại, ký nhận đầy đủ.

**III. Nhận xét và kết luận**

**1. Ưu điểm**

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Lao động - TB&XH, Trung tâm phối hợp với các phòng chuyên môn, các đoàn thể cùng với tập thể cán bộ, viên chức, lao động đã triển khai thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ đạt được nhiều kết quả như: cơ sở vật chất đảm bảo việc tiếp nhận, chăm sóc tận tình, chu đáo NCC không nơi nương tựa; tiếp nhận, tổ chức điều dưỡng luân phiên sức khoẻ NCC được đảm bảo, nâng cao; đón tiếp, bố trí nơi ở và hướng dẫn thân nhân liệt sỹ đến thăm viếng mộ liệt sỹ,... góp phần hoàn thành nhiệm vụ của ngành, của tỉnh. Những mặt ưu điểm của Trung tâm là nổi bật và cơ bản song vẫn còn một số thiếu sót, tồn tại.

**2. Thiếu sót, tồn tại**

2.1. Trung tâm chưa có văn bản phân công trách nhiệm về công tác phòng, chống tham nhũng.

2.2. Trung tâm không xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để triển khai thực hiện.

2.3. Sau khi Sở có Công văn số 535e/LĐTBXH-KHTC ngày 29/4/2011 V/v thẩm định Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công của Trung tâm, đến nay Trung tâm vẫn chưa ban hành quyết định thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công.

2.4. Đối với việc giao kết HĐLĐ mới trong năm 2016 của 07 trường hợp HĐLĐ ngoài biên chế *(nêu tại Điểm 6.2 Khoản 6 Mục II Kết luận này),* trước khi giao kết HĐLĐ Trung tâm không có văn bản gửi Sở để xin ý kiến, thực hiện không đúng theo Công văn số 1400/SLĐTBXH-VP ngày 25/9/2014 V/v báo cáo tình hình sử dụng ngoài biên chế gửi các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, trong đó có nội dung *“không tiếp tục thực hiện việc hợp đồng mới bất cứ trường hợp nào ngoài biên chế để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, đơn vị, trừ các công việc có tính thời vụ dưới 3 tháng và có tính cấp thiết”* và Công văn số 1858/SLĐTBXH-VP ngày 13/10/2015 V/v chấm dứt hợp đồng lao động mới tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, trong đó có nội dung *“Không được thực hiện việc hợp đồng mới với bất cứ trường hợp nào để làm công việc chuyên môn nghiệp vụ trong cơ quan, đơn vị”.*

2.5. Việc giao kết HĐLĐ xác định thời hạn 4 năm (48 tháng) đối với 07 trường hợp (nêu tại Điểm 6.2 Khoản 6 Mục II Kết luận này) là không đúng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 22 Bộ Luật Lao động năm 2012, một số nội dung HĐLĐ ghi chưa cụ thể: HĐLĐ với ông Nguyễn Hồ Bảo Ân, Lý Thị Như Quỳnh nội dung công việc không ghi cụ thể, ghi chung chung chịu sự phân công của lãnh đạo phòng hành chính và lãnh đạo đơn vị; chế độ làm việc ghi 8h/ngày nhưng không ghi số ngày trên 1 tuần.

2.6. Năm 2015, 2016 Trung tâm không lập kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động của Trung tâm.

**IV. Kiến nghị**

1. **Đối với Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công**

1.1. Lập Kế hoạch triển khai thực hiện hoạt động hàng năm của Trung tâm.

1.2. Hàng năm xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Trung tâm để triển khai thực hiện.

1.3. Có văn bản phân công trách nhiệm về công tác phòng, chống tham nhũng tại Trung tâm.

1.4. Có quyết định thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công của Trung tâm.

1.5. Nghiêm túc chấp hành việc tuyển dụng lao động đúng theo chỉ đạo của Giám đốc Sở Lao động - TB&XH tại Công văn số 1400/SLĐTBXH-VP ngày 25/9/2014 và Công văn số 1858/SLĐTBXH-VP ngày 13/10/2015.

1.6. Lập phụ lục HĐLĐ sửa đổi thời hạn hợp đồng đúng quy định Bộ Luật Lao động năm 2012 đối đối với 07 trường hợp *(nêu tại Điểm 6.2 Khoản 6 Mục II Kết luận này).*  Lập phụ lục HĐLĐ ghi cụ thể công việc phải làm, ghi số ngày làm việc trong tuần đối với 2 người lao động *(nêu tại Điểm 2.6 Khoản 2 Mục III Kết luận này*) theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2012, Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

**2. Đối với Văn phòng Sở**

Tham mưu lãnh đạo Sở tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, văn bản của các cấp về công tác tổ chức, hành chính, chấp hành các nội quy, quy chế, xác định vị trí việc làm, tuyển dụng HĐLĐ đối với các đơn vị trực thuộc Sở.

**3. Đề nghị Phòng Người có công**

 Phối hợp với Văn phòng Sở, Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công tham mưu Lãnh đạo Sở ban hành Quy chế về việc tiếp nhận, nuôi dưỡng NCC.

**V. Thời hạn thực hiện kiến nghị**

Đề nghị Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công căn cứ các kiến nghị nêu trên và gửi báo cáo việc thực hiện về Thanh tra Sở Lao động - TB&XH, địa chỉ: 18 Nguyễn Sinh Sắc, Khu quy hoạch Nam Vĩ Dạ, TP Huế) **trước ngày 30/6/2017**./.

***Nơi nhận:* CHÁNH THANH TRA**

- Thanh tra tỉnh;

- Lãnh đạo Sở Lao động - TB&XH (để B/c);

- Trung tâm Điều dưỡng, CSNCC (để thực hiện);

- Văn phòng Sở; Phòng Người có công;

- Đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động -

TB&XH tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Lưu: VT, hồ sơ thanh tra năm 2017.

 **Trần Văn Trung**